

GIỚI HẠN QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC - MỘT PHƯƠNG THỨC KIỂM SOÁT QUAN TRỌNG QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC TRONG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÕ KHÁNH VINH(*)

Tóm tắt: Giới hạn quyền lực nhà nước là một trong những vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng của lý luận về quyền lực nhà nước nói riêng, nhà nước pháp quyền nói chung. Bài viết này luận giải về mặt lý luận giới hạn quyền lực nhà nước với tư cách là một phương thức kiểm soát quan trọng quyền lực nhà nước trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; phân tích thực trạng giới hạn quyền lực nhà nước ở nước ta; đưa ra những kiến nghị về hoàn thiện thể chế, phương thức giới hạn quyền lực nhà nước nhằm góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ khoá: Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền lực nhà nước; giới hạn quyền lực nhà nước; kiểm soát quyền lực nhà nước; giới hạn quyền lực nhà nước là phương thức kiểm soát quan trọng quyền lực nhà nước.

Abstract: Limiting state power is one of the important theoretical and practical issues of the theory of state power in particular and the rule of law state in general. This article discusses theoretically limiting state power as an important means of controlling state power in the socialist rule of law state of Vietnam and analyzes the current situation of limitation of state power in our country. Thereby, the article also makes recommendations on improving institutions and methods of limiting state power in order to contribute to controlling state power in the socialist rule of law state of Vietnam.

Keywords: Socialist rule of law state of Vietnam; power of the government; limit state power; control state power; Limiting state power is an important means of controlling state power.

Ngày nhận bài: 20/12/2022; Ngày sửa bài: 10/01/2023; Ngày duyệt đăng bài: 27/02/2023.

Đặt vấn đề

Luận giải giới hạn quyền lực nhà nước là để trả lời câu hỏi kiểm soát quyền lực nhà nước được thực hiện dựa vào căn cứ, trong phạm vi, giới hạn như thế nào? Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, giới hạn quyền lực nhà nước được hiểu như thế nào? bị giới hạn bởi cái gì? bằng phương thức như thế nào? Cần phải phải làm gì để nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực nhà nước? Để góp phần luận chứng cơ sở lý luận và thực tiễn về kiểm soát quyền lực nhà nước, bài viết này luận

giải những vấn đề nêu trên nhằm góp phần kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

1. Giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quan niệm, cơ sở, nguồn gốc, vai trò, đặc điểm

Quyền lực nhà nước, trong đó có giới hạn của nó là một trong những đặc trưng,

* GS.TS., Nguyên Phó Chủ tịch Viện Hàn lâm KHXH; Email: vokhanhvinh.vass@gmail.com.

nội dung quan trọng, cốt lõi liên quan đến các đặc trưng, nội dung khác của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền lực nhà nước không phải là quyền lực tự có của Nhà nước mà là quyền lực phái sinh từ quyền lực nhân dân. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nhân dân trước hết và trên hết là *chủ thể* của mọi quyền lực trong xã hội, chứ không chỉ là khách thể và đối tượng của quyền lực nhà nước. Nhà nước là *khách thể và đối tượng* của quyền lực nhân dân. Nhân dân là chủ thể của quyền lực của chính mình - quyền lực nhân dân - quyền lực duy nhất và cao nhất trong xã hội. Chính Nhân dân là chủ thể xác định phạm vi trao một phần quyền lực của mình cho Nhà nước, phân công các loại quyền lực nhà nước và xác định phạm vi, giới hạn của từng loại quyền lực nhà nước. Nhân dân chỉ là "*khách thể chủ động*" ở phần quyền lực mà mình đã trao cho Nhà nước, còn vẫn là chủ thể ở phần quyền lực còn lại thuộc về mình. Nhân dân thiết lập nên quyền lực nhà nước, các loại quyền lực nhà nước và các cơ quan thực hiện các loại quyền lực đó, uỷ quyền một phần quyền lực của mình cho các cơ quan nhà nước thực hiện, "để lại" một phần quyền lực để trực tiếp thực hiện và tham gia thực hiện quyền lực nhà nước đã được uỷ quyền thông qua các hình thức khác nhau. Khi đã uỷ quyền để các cơ quan nhà nước thực hiện một phần quyền lực của mình, Nhân dân có toàn quyền kiểm tra, giám sát, kiểm soát việc thực hiện phần quyền lực đã được uỷ quyền, phản biện đối với chính sách, pháp luật do Nhà nước đưa ra để phát triển đất nước vì ấm no, hạnh phúc và phồn vinh của Nhân dân.

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *quyền lực nhà nước phải*

được giới hạn, phải được kiểm soát. Giới hạn quyền lực nhà nước tốt là góp phần kiểm soát tốt quyền lực nhà nước, bảo đảm để quyền lực nhà nước được thực thi đúng mục tiêu, lý tưởng của nó, thúc đẩy xã hội phát triển ổn định, bền vững, vì ấm no, hạnh phúc và sự phồn vinh của Nhân dân.

Quyền lực nhà nước là quyền lực *có giới hạn*, chứ không phải vô hạn, là *một trong những giá trị cốt lõi của pháp quyền*. Giới hạn quyền lực nhà nước có thể được hiểu ở phương diện khách quan và ở phương diện chủ quan.

Ở *phương diện khách quan*, giới hạn quyền lực nhà nước được giới hạn bởi trình độ phát triển xã hội nói chung, trình độ phát triển về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá và các trình độ phát triển khác nói riêng, nhất là trình độ phát triển dân chủ, trình độ phát triển kinh tế. Các trình độ phát triển đó là nền tảng, giới hạn khách quan mà dựa vào đó giới hạn quyền lực nhà nước được xác lập. Chẳng hạn, dân chủ càng phát triển, càng được phát huy, nhất là dân chủ trực tiếp thì sẽ tạo lập nền tảng cho việc xác lập giới hạn quyền lực nhà nước nói chung, xác lập giới hạn quyền lực nhà nước theo chiều ngang và theo chiều dọc nói riêng, chẳng hạn như: tăng cường phân cấp, phân quyền, tự quản. Xã hội càng phát triển theo hướng dân chủ hoá càng sâu, rộng thì càng đòi hỏi phải xác định/phân định rõ hơn giới hạn quyền lực nhà nước, giới hạn quyền lực xã hội, quyền lực của thị trường để từ đó làm căn cứ cho việc kiểm soát quyền lực nhà nước.

Ở *phương diện chủ quan*, giới hạn quyền lực nhà nước được giới hạn bởi năng lực nhận thức, tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước nói chung; năng lực, kỹ thuật

thiết kế các loại quyền lực nhà nước theo chiều ngang và theo chiều dọc trong cơ chế quyền lực nhà nước nói chung; năng lực ban hành và tổ chức thực hiện thể chế, năng lực thiết kế các thiết chế, phương thức vận hành quyền lực nhà nước; năng lực của Đảng và Nhân dân trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước và các nhân tố chủ quan khác. Việc xác định giới hạn quyền lực nhà nước phải được tiến hành bằng tư duy pháp quyền. Điều đó có nghĩa rằng, tư duy pháp quyền phải là tư duy chi phối toàn bộ việc xác định giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Giới hạn quyền lực nhà nước, dưới dạng khái quát nhất, được hiểu là phạm vi, mức độ quyền lực nhà nước đã được xác định, không thể hoặc không được phép vượt qua phạm vi, mức độ quyền lực nhà nước đã được xác định đó. Xác định giới hạn quyền lực nhà nước tức là phân định, quy định phạm vi, mức độ của quyền lực nhà nước, đó là phạm vi, mức độ thể hiện vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước nói chung, của từng loại cơ quan thực hiện quyền lực nhà nước nói riêng trong cơ chế quyền lực nhà nước. Giới hạn quyền lực nhà nước, tất yếu, dẫn đến sự thiết kế việc tiếp nối các giới hạn quyền lực nhà nước làm sao để không chồng lấn, không lấn sân, không có khoảng trống, không đứt gãy tính liên tục, bảo đảm tính liên thông, tính phối hợp, tính thống nhất của quyền lực nhà nước. Từ quan niệm đó cho thấy giới hạn quyền lực nhà nước có hai nội dung cốt lõi: 1) phạm vi, mức độ quyền lực nhà nước phải được xác định, phải được quy định; 2) không thể hoặc không được phép vượt qua phạm vi, mức độ quyền lực nhà nước đã

được xác định, quy định đó. Nói đến quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền là có giới hạn, trước hết là nói đến hai nội dung cốt lõi đó. Xác định giới hạn quyền lực nhà nước chính là xác định hai nội dung cốt lõi đó. Kiểm soát quyền lực nhà nước, do vậy, phải xuất phát và dựa vào hai nội dung cốt lõi đó.

Giới hạn quyền lực nhà nước được đặt trong những mối quan hệ khác nhau. Trước hết, đó là giới hạn quyền lực nhà nước được đặt trong mối quan hệ với chủ quyền nhân dân, quyền lực chính trị, quyền lực xã hội, quyền con người, quyền công dân. Loại giới hạn quyền lực này có thể được gọi là giới hạn bên ngoài của quyền lực nhà nước. Đến lượt mình, giới hạn quyền lực nhà nước được đặt trong mối quan hệ của chính nó. Điều này có nghĩa rằng, quyền lực nhà nước là thống nhất về bản chất, mục tiêu, nội dung, định hướng, nhưng về mặt tổ chức thực hiện, được phân thành các quyền lập hiến, lập pháp, hành pháp, tư pháp và các loại quyền lực nhà nước khác. Trong mối quan hệ của chính nó, mỗi loại quyền lực nhà nước nói trên có phạm vi, mức độ của mình, không thể hoặc không được phép vượt qua, không được chồng lấn, lấn át quyền lực khác. Loại giới hạn quyền lực này có thể được gọi là giới hạn bên trong của quyền lực nhà nước.

Giới hạn quyền lực nhà nước tốt hay quyền lực nhà nước được giới hạn tốt là tiên đề, điều kiện, căn cứ của việc tổ chức và thực hiện kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước.

Giới hạn quyền lực nhà nước phải được xác lập trước một cách rõ ràng, rành mạch, minh bạch để làm tiên đề, điều kiện cho việc tổ chức và thực hiện việc kiểm soát quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước

không được xác lập, phân định rõ ràng, rành mạch, minh bạch thì không thể có tiền đề, điều kiện tốt để tổ chức và thực hiện việc kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước. Ở nghĩa này, giới hạn quyền lực nhà nước tốt chính là tiền đề, điều kiện để kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước. Kiểm soát quyền lực nhà nước phải dựa vào những căn cứ nhất định. *Các phạm vi, giới hạn quyền lực nhà nước* đã được xác định, phân định rõ ràng, rành mạch, minh bạch chính là *những căn cứ* của kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước.

Kiểm soát quyền lực nhà nước được tổ chức và thực hiện hiệu quả chỉ trên cơ sở có sự phân định rõ ràng, rành mạch, minh bạch phạm vi, mức độ của quyền lực nhà nước nói chung, các phạm vi, mức độ của các loại quyền lực nhà nước nói riêng. Do đó, quyền lực nhà nước được phân thành các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, quyền lực trung ương và quyền lực địa phương và các loại quyền lực nhà nước khác là tiền đề, điều kiện, căn cứ để tiến hành kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ngoài ra, còn phải phân định rõ quyền lực nhà nước với quyền lực chính trị (quyền lực của Đảng), quyền lực xã hội. Đó cũng chính là tiền đề, điều kiện, căn cứ của việc tổ chức và thực hiện kiểm soát quyền lực nhà nước.

Giới hạn quyền lực nhà nước có *nguồn gốc* của nó. Nguồn gốc đó nằm chính trong bản thân quyền lực nhà nước. Điều này có nghĩa rằng, chừng nào còn có quyền lực nhà nước thì chừng đó phải có giới hạn quyền lực nhà nước. Giới hạn quyền lực nhà nước là tất yếu trong tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước. Bởi vì, quyền lực nhà nước, bên cạnh xu hướng phát triển tích cực, còn

có xu hướng bị sử dụng quyền lực nhà nước không đúng, lợi dụng, lạm dụng quyền lực nhà nước vì lợi ích cá nhân, lợi ích nhóm một cách bất hợp pháp. Những biểu hiện đó gọi chung lại là tha hoá quyền lực nhà nước. Giới hạn quyền lực nhà nước, trước hết và trên hết chính là để phòng ngừa việc thực hiện quyền lực nhà nước không đúng, lợi dụng, lạm dụng quyền lực nhà nước và cũng chính là *tiêu chí* để xác định việc có vượt quá hay không vượt quá giới hạn quyền lực nhà nước trong thực thi quyền lực nhà nước trên thực tế.

Giới hạn quyền lực nhà nước giữ *vai trò* rất quan trọng trong tổng thể cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Điều đó thể hiện ở chỗ, kiểm soát quyền lực nhà nước phải được tiến hành dựa vào những căn cứ nhất định, tức là dựa vào đâu để kiểm soát, kiểm soát đối với các phạm vi, mức độ nào, tức là kiểm soát đối tượng như thế nào. Giới hạn quyền lực nhà nước chính là xác định những căn cứ đó, *chỉ rõ đối tượng được kiểm soát, giới hạn của kiểm soát*. Nếu giới hạn quyền lực nhà nước không được xác định rõ thì không thể tiến hành kiểm soát quyền lực nhà nước hiệu quả, bởi vì không rõ căn cứ, không rõ đối tượng được kiểm soát và cũng không thể xây dựng được các cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước tương ứng. Mỗi loại quyền lực nhà nước có cơ chế vận hành và giới hạn riêng của nó, cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước phải dựa vào cơ chế vận hành và giới hạn đó. Như vậy, *vai trò của giới hạn quyền lực nhà nước thể hiện ở việc xác định đối tượng được kiểm soát, giới hạn của kiểm soát quyền lực nhà nước; làm căn cứ cho việc xây dựng các cơ chế kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước*.

Giới hạn quyền lực nhà nước ở nước ta có hai đặc điểm nổi bật. Đó là giới hạn quyền lực được tiến hành trong điều kiện một đảng duy nhất cầm quyền và nhà nước đơn nhất. Hai đặc điểm này chi phối toàn bộ nội dung giới hạn quyền lực nhà nước ở nước ta cả theo chiều ngang lẫn theo chiều dọc.

Đảng Cộng sản Việt Nam, theo Hiến pháp, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng tổ chức và thực hiện quyền lực chính trị trong xã hội, đồng thời là chủ thể lãnh đạo, cầm quyền, đưa ra hệ quan điểm, mục tiêu, định hướng để tiến hành giới hạn quyền lực nhà nước, tiến hành lãnh đạo việc xác định giới hạn quyền lực nhà nước, phân định quyền lực chính trị do mình tiến hành với quyền lực nhà nước, quyền lực xã hội.

Trong nhà nước đơn nhất, giới hạn quyền lực nhà nước, về cơ bản, được tiến hành theo chiều ngang, tức là phân định giới hạn của quyền lập pháp, giới hạn của quyền hành pháp, giới hạn của quyền tư pháp và giới hạn của các quyền lực khác. Việc phân định giới hạn quyền lực nhà nước giữa trung ương và địa phương được tiến hành thông qua việc phân cấp, phân quyền cho địa phương, mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp và xác định phạm vi, mức độ tự quản của cộng đồng dân cư, cộng đồng xã hội.

2. Nội dung giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nội dung giới hạn quyền lực nhà nước được thể hiện ở hai phương diện: 1) Giới hạn bên ngoài; 2) Giới hạn bên trong.

Giới hạn bên ngoài của quyền lực nhà nước được hiểu là phạm vi, mức độ quyền lực nhà nước đã được xác định, được đặt trong mối quan hệ với các quyền lực (yếu tố) bên ngoài khác mà khi tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước không thể hoặc không được phép vượt qua phạm vi, mức độ đó. Đó là các giới hạn cụ thể sau đây:

- Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *quyền lực nhà nước được giới hạn bởi chủ quyền nhân dân.*

Chủ quyền nhân dân là tư tưởng lấy “dân làm gốc”, Nhân dân là nguồn gốc và chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước. Nội dung cốt lõi trong tư tưởng chủ quyền nhân dân là quan điểm chính quyền thuộc về Nhân dân. Nhân dân là nguồn gốc của quyền lực nhà nước, có trước, khách quan và độc lập với quyền lực nhà nước. Nhân dân là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân. Chủ quyền nhân dân là nguồn gốc của tính chính danh, tính hợp hiến, tính hợp pháp của Nhà nước.

Quyền lực nhà nước nằm trong phạm vi của quyền lực nhân dân, phục tùng quyền lực nhân dân, không được vượt ra ngoài quyền lực nhân dân, phái sinh từ quyền lực nhân dân, do Nhân dân giao quyền, uỷ quyền có giới hạn và chịu sự giám sát, kiểm soát của Nhân dân. Quyền lực nhân dân quyết định mục tiêu, phạm vi, nội dung, cách thức sử dụng quyền lực nhà nước, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước. Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp, bằng dân chủ đại diện thông qua Quốc hội, Hội đồng nhân dân và thông qua các cơ quan khác của Nhà nước. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là nhà nước phục vụ Nhân dân, phụng sự Tổ

quốc, có mục tiêu duy nhất là mưu cầu tự do, ấm no, hạnh phúc, phồn vinh cho Nhân dân, đặt quyền lợi của Nhân dân lên trên hết, trước hết; toàn bộ thể chế nhà nước, các thiết chế và cơ chế thực thi quyền lực, các nguồn lực đang nắm giữ phải được vận hành, quản lý, sử dụng để đáp ứng nguyện vọng, ý chí và lợi ích của Nhân dân, của quốc gia - dân tộc. *Như vậy, Nhân dân là chủ thể xác định, phân định giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Phạm vi, mức độ quyền lực nhà nước phải được xác định, phải được quy định xuất phát từ và được đặt trong “biên độ”, “khuôn khổ” chủ quyền nhân dân và không thể hoặc không được phép vượt qua chủ quyền nhân dân. Chủ thể trao quyền và phân công quyền lực nhà nước chính là Nhân dân. Bằng Hiến pháp, Nhân dân trao quyền cho Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp, Tòa án thực hiện quyền tư pháp. Phạm vi thẩm quyền của các cơ quan này phải được hiến định và luật định một cách tối ưu, rõ ràng, rành mạch. Nhân dân với tư cách là chủ thể tối cao của quyền lực nhà nước, xác định giới hạn quyền lực nhà nước, phạm vi, mức độ của quyền lực nhà nước nói chung, các loại quyền lực nhà nước nói riêng, do đó, có toàn quyền giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước nói chung, các loại quyền lực nhà nước nói riêng. Khi tiến hành phân định giới hạn quyền lực, cần xác định rõ, quy định rõ giới hạn quyền lực được Nhân dân trao cho, uỷ quyền cho Nhà nước và phân quyền lực Nhân dân để lại cho mình trực tiếp thực hiện. Xã hội càng phát triển thì Nhân dân trực tiếp thực hiện nhiều hơn quyền lực của mình.

- Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *quyền lực nhà nước được giới hạn bởi quyền lực chính trị.*

Quyền lực chính trị là quyền quyết định, định đoạt những vấn đề quan trọng về chính trị, quyền tổ chức và vận hành quyền lực chính trị để bảo đảm sức mạnh của quyền lực đó của một giai cấp, một chính đảng, tập đoàn xã hội nhằm giành hoặc duy trì quyền lãnh đạo; định đoạt, điều hành bộ máy nhà nước, lãnh đạo xã hội. Quyền lực chính trị được thể hiện tập trung ở quyền lực nhà nước. Quyền lực nhà nước là một loại quyền lực chính trị, thể hiện quyền lực chính trị. Lực lượng nắm quyền lực chính trị lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Quyền lực chính trị hoá thân vào quyền lực nhà nước.

Đảng Cộng sản Việt Nam - Đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam đảm đương vai trò, sứ mệnh lãnh đạo, cầm quyền. Đảng lãnh đạo, cầm quyền cũng có nghĩa là lãnh đạo việc tổ chức và hoạt động của Nhà nước, tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước nói chung, kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước nói riêng. Phân tích trên cho thấy cần phải phân định rõ sự lãnh đạo của Đảng, giới hạn lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và vai trò quản lý xã hội của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *quyền lực nhà nước được giới hạn bởi quyền lực xã hội.*

Quyền lực xã hội là khả năng, năng lực chi phối và điều khiển xã hội. Quyền lực xã hội tồn tại khắp mọi nơi trong xã hội, trong tất cả các tập thể có tính cộng đồng của con người: trong gia đình, tôn giáo, đoàn thể, tổ chức... Quyền lực xã hội ra đời, tồn tại với tư cách là một nhu cầu khách quan, có vai trò của một chức năng xã hội, một thuộc tính không thể thiếu được của cuộc sống cộng đồng người. Quyền lực xã hội được thiết lập trên cơ sở tuân thủ các quy tắc pháp luật, đạo đức, xã hội, phong tục, tập quán, nghi lễ tôn giáo và sự thừa nhận quyền uy của người đứng đầu. Quyền lực xã hội bao gồm rất nhiều loại hình: quyền lực nhà nước (với tư cách là một loại quyền lực xã hội), quyền lực của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các tập hợp quần chúng, quyền lực của cộng đồng dân cư, quyền lực của các tổ chức tôn giáo, quyền lực của dư luận xã hội... Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực xã hội và quyền lực nhà nước luôn luôn thống nhất với nhau về bản chất, mục tiêu, định hướng trong tổ chức và vận hành.

Quyền lực nhà nước với tư cách là một loại hình của quyền lực xã hội, do vậy, bị giới hạn bởi quyền lực xã hội, chứ không phải là không có giới hạn, chứ không phải là bao trùm tuyệt đối, lấn lướt, thu hút quyền lực xã hội. Ở phương diện này, cần phải xác định rõ giới hạn của quyền lực nhà nước trong mối quan hệ với quyền lực xã hội, giới hạn mà quyền lực nhà nước không thể hoặc không phép được vượt qua, không được can thiệp vào quyền lực xã hội. Việc xác định giới hạn đó cũng là tiền đề, điều kiện, căn cứ để quyền lực xã hội giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước vì bản chất, mục tiêu, định hướng chung của tổ chức và vận hành quyền lực trong xã hội là vì con

người, quyền con người, quyền con người, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền.

- Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *quyền lực nhà nước bị giới hạn bởi quyền con người, quyền công dân; quyền con người, quyền công dân là cái giới hạn mang tính bản chất, sâu xa nhất đối với quyền lực nhà nước.*

Con người, quyền con người, quyền công dân là giá trị cao cả nhất của xã hội, được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ theo Hiến pháp và pháp luật. Quyền lực nhà nước bị giới hạn bởi quyền con người, quyền công dân. Đó là sự hạn chế Nhà nước xâm nhập vào lĩnh vực tự trị mang tính chất cá nhân của con người, của công dân, được thực hiện bằng cách công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ các quyền và tự do không thể bị tước đoạt của con người và của công dân mà Nhà nước không được vi phạm hoặc hạn chế.

Các quyền và tự do của con người và của công dân không phải là quà tặng của Nhà nước, mà là thuộc tính không thể tách rời với cá nhân con người. Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng. Sự hiện có ở các cá nhân các quyền và tự do được công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ biến cá nhân thành “người cùng chơi bình đẳng” với Nhà nước, có khả năng đưa ra các thỉnh cầu, đòi hỏi pháp luật đối với Nhà nước và bằng cách như vậy khẳng định tính chính đáng, tính hợp pháp, tính pháp quyền trong hoạt động của Nhà nước.

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước vì con người, vì

quyền con người, quyền công dân; con người, quyền con người, quyền công dân là giá trị cao cả của xã hội. Công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân vừa là bản chất, đặc trưng vừa là mục tiêu, nội dung, trách nhiệm của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. *Quyền con người, quyền công dân là cái giới hạn mang tính bản chất, sâu xa nhất đối với quyền lực nhà nước.* Quyền con người, quyền công dân là *giá trị cốt lõi, tiêu chí đánh giá bản chất* của chế độ pháp quyền, tính hiệu quả của tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước, hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta là lấy con người làm trung tâm, phát triển con người toàn diện; Nhà nước công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam có nhiệm vụ, trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, xây dựng thể chế, thiết chế đầy đủ và có hiệu quả để bảo vệ quyền con người, quyền công dân, giáo dục ý thức và trách nhiệm đối với quyền con người, quyền công dân, xác định việc bảo vệ quyền con người, quyền công dân là nhiệm vụ cơ bản và quan trọng của bộ máy nhà nước.

Như vậy, *trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ở phương diện bên ngoài, quyền lực nhà nước được giới hạn bởi chủ quyền nhân dân, quyền lực chính trị, quyền lực xã hội, quyền con người, quyền công dân.* Nhận thức đó dẫn đến sự cần

thiết phải phân định rõ giới hạn của quyền lực nhà nước với chủ quyền nhân dân, quyền lực chính trị, quyền lực xã hội, giới hạn can thiệp của quyền lực nhà nước vào lĩnh vực quyền con người, quyền công dân. Phải sử dụng quyền lực nhân dân, quyền lực chính trị, quyền lực xã hội, quyền con người, quyền công dân để kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước. Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội chính là các chủ thể tiến hành kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước từ bên ngoài.

Giới hạn bên trong của quyền lực nhà nước được hiểu là phạm vi, mức độ của từng loại quyền lực nhà nước đã được xác định, được đặt trong mối quan hệ với các loại quyền lực nhà nước khác mà khi tổ chức và vận hành từng loại quyền lực nhà nước không thể hoặc không được phép vượt qua phạm vi, mức độ đó. Xác định giới hạn bên trong của quyền lực nhà nước chính là phân định rõ phạm vi, mức độ của từng loại quyền lực nhà nước trong cơ chế quyền lực nhà nước là thống nhất. Giới hạn bên trong đã được phân định rõ của quyền lực nhà nước chính là *căn cứ* được sử dụng để kiểm soát hiệu quả các loại quyền lực nhà nước.

Giới hạn bên trong của quyền lực nhà nước thể hiện ít nhất ở các nội dung sau đây: giới hạn của quyền lập hiến, quyền lập pháp; giới hạn của quyền hành pháp; giới hạn của quyền tư pháp; giới hạn quyền lực nhà nước giữa Trung ương và địa phương; giới hạn của các quyền lực nhà nước khác. Tiếp đến, trong từng loại quyền lực nhà nước cũng cần phải xác định rõ phạm vi, mức độ của từng quyền lực thông qua xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan

khác nhau trong việc thực hiện loại quyền lực nhà nước đó. Cụ thể là xác định rõ: vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội trong việc thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp; vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chủ tịch nước; vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Chính phủ và các cơ quan của Chính phủ trong việc thực hiện quyền hành pháp; vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Tòa án nhân dân tối cao và các cấp toà án trong việc thực hiện quyền tư pháp; vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương trong việc thực hiện quyền lực nhà nước; vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước khác. Sự phân định vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm mang tính quyền lực của các cơ quan đó phải rõ ràng, rành mạch, minh bạch. Việc phân định rõ phạm vi, giới hạn của từng loại quyền lực nhà nước, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các loại quyền lực nhà nước, trong từng loại quyền lực nhà nước chính là các căn cứ để tiến hành kiểm tra, giám sát, kiểm soát hiệu quả quyền lực nhà nước.

Việc phân công quyền lực được hiểu là sự phân định quyền lực nhà nước thành các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và giao cho các cơ quan nhà nước khác nhau thực hiện. Các quyền lực đó không được coi là các quyền lực tồn tại một cách song hành và độc lập tuyệt đối, ngược lại, tư tưởng cốt lõi là tư tưởng phối hợp, hợp tác và thống nhất mà trong phạm vi của sự phối hợp, hợp tác đó sự phân định các cơ quan thực

hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp được duy trì và được bảo đảm về mặt hiến định.

Sự thống nhất của quyền lực nhà nước là nền tảng, thể hiện ở chỗ Nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước; quyền lực nhà nước thống nhất ở Nhân dân, được hình thành trên sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong suốt chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Sự thống nhất của quyền lực nhà nước được xác định bằng sự thống nhất về bản chất nhân dân của quyền lực nhà nước; sự thống nhất về mục tiêu và định hướng phát triển đất nước; sự thống nhất trên một nền tảng Hiến pháp và pháp luật, được đặt trong một quỹ đạo chung là lợi ích quốc gia, dân tộc. Do vậy, *giới hạn bên trong của quyền lực nhà nước được xác định bởi tính thống nhất của quyền lực nhà nước.*

3. Về phương thức giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Trong thời đại ngày nay, *pháp quyền là phương thức văn minh nhất được sử dụng để giới hạn quyền lực, trong đó có quyền lực nhà nước.* Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *quyền lực nhà nước bị giới hạn bởi Hiến pháp và pháp luật.* Đó chính là một trong những giá trị cốt lõi của pháp quyền. *Giới hạn quyền lực nhà nước bằng phương thức pháp quyền là một phương thức kiểm soát quan trọng quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

Trục trọng tâm, cốt lõi của pháp quyền đều nói về vai trò, vị trí, giá trị tối thượng của pháp luật trong đời sống nhà nước và xã hội. Điều đó cũng có nghĩa là nói về quyền lực của pháp luật hay pháp luật cũng có quyền lực. Nhà nước pháp quyền dựa trên

nền tảng pháp quyền, hay nói cách khác, pháp quyền là cơ sở, nền tảng của Nhà nước pháp quyền.

Bản chất của pháp quyền nằm chính ở vai trò, vị trí, giá trị, quyền lực của pháp luật và mối quan hệ của pháp luật với quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước. Tư tưởng cốt lõi mang tính bản chất của pháp quyền thể hiện ở chỗ Nhà nước thực hiện quyền lực của mình bằng pháp luật, nói cụ thể hơn bằng Hiến pháp và các đạo luật pháp quyền. Quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước được thiết lập và thực thi dựa trên Hiến pháp và pháp luật và bằng Hiến pháp và pháp luật; quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước được giới hạn bởi Hiến pháp và pháp luật, bởi quyền con người, quyền công; quyền lực nhà nước bị ràng buộc bởi Hiến pháp và pháp luật. Cần phải sử dụng pháp luật (Hiến pháp và pháp luật) với tư cách một loại quyền lực để kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước. Điều này nói lên tính chính danh, hợp hiến, hợp pháp của quyền lực nhà nước.

Như vậy, *pháp quyền là nền tảng, cơ sở của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là một tiêu chí khái quát được sử dụng để đánh giá, kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

- Giới hạn quyền lực nhà nước bằng phương thức pháp quyền được hiểu là cách thức và phương pháp sử dụng Hiến pháp và pháp luật để giới hạn quyền lực nhà nước vì dân chủ, vì con người, quyền con người, quyền công dân.

Trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, quyền lực nhà nước được tổ chức và vận hành trên nền tảng Hiến pháp và pháp luật, Hiến pháp và pháp luật được thượng tôn; Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Đây là giá

trị pháp quyền mang tính phổ biến, xuyên suốt bảo đảm tính chính danh, tính hợp hiến, hợp pháp trong tổ chức và vận hành của quyền lực nhà nước.

Hiến pháp và pháp luật là phương tiện pháp quyền được sử dụng để giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Hiến pháp và pháp luật phản ánh, ghi nhận ý chí, nguyện vọng, lợi ích sống còn của Nhân dân, các giá trị cao cả nhất, cốt lõi nhất của xã hội, do vậy, Hiến pháp và pháp luật có giá trị cao cả. Sự hiện diện của Hiến pháp và pháp luật là điều kiện tiên quyết cho sự tồn tại của nền dân chủ và Nhà nước pháp quyền. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam không đứng trên Hiến pháp và pháp luật mà tồn tại trong sự ràng buộc bởi Hiến pháp và pháp luật. Tổ chức và hoạt động của Nhà nước nói chung, tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước nói riêng dựa trên nền tảng Hiến pháp, pháp luật và phù hợp với Hiến pháp, pháp luật; Nhà nước quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật.

Tổ chức bộ máy nhà nước, vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước do Hiến pháp và pháp luật quy định; mọi hoạt động của các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; các cơ quan nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức nhà nước trong thực thi công vụ chỉ được làm những gì Hiến pháp và pháp luật quy định, không được tự mình đặt ra những thẩm quyền ngoài quy định của Hiến pháp và pháp luật. Mọi hành vi vi phạm Hiến pháp và pháp luật phải được phát hiện kịp thời, xử lý công bằng, nghiêm minh; có cơ chế bảo vệ Hiến pháp hiệu lực và hiệu quả.

4. Về thể chế hoá việc giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay

Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam đã xác định giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013, Điều 2, khẳng định: Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy định: Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Theo Điều 4 Hiến pháp năm 2013, Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng Cộng sản Việt Nam gắn bó mật thiết với Nhân dân, phục vụ Nhân dân, chịu sự giám sát của Nhân dân, chịu trách nhiệm trước Nhân dân về những quyết định của mình. Các quy định nêu trên của Hiến pháp năm 2013, trong ngữ cảnh khai thác của bài viết này, chính là các quy định hiến định xác định các giới hạn bên ngoài của quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hiến pháp năm 2013 của Việt Nam cũng xác định rõ quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyền hành pháp, quyền tư pháp và các cơ quan thực hiện các quyền đó. Theo Điều 69 Hiến pháp năm 2013, Quốc hội thực hiện quyền lập hiến, lập pháp; Chương VI Hiến pháp quy định vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch nước; theo Điều 94 Hiến pháp năm 2013, Chính phủ thực hiện quyền hành pháp; theo Điều 102 Hiến pháp năm 2013, Tòa án nhân dân thực hiện quyền tư pháp; Chương IX Hiến pháp năm 2013 quy định vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chính quyền địa phương trong cơ chế quyền lực nhà nước ở nước ta. Đây chính là các quy định hiến định, dưới dạng khái quát nhất, xác định các giới hạn bên trong của quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Quyền lực nhà nước bị hạn chế không chỉ bởi trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của con người và công dân mà còn bởi *trách nhiệm thượng tôn, bảo vệ Hiến pháp, nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật*. Điều 119 Hiến pháp năm 2013 quy định rõ trách nhiệm đó. Thượng tôn, bảo vệ, tuân thủ Hiến pháp là trách nhiệm thiêng liêng của mọi chủ thể trong xã hội.

Cụ thể hơn: Trong Lời nói đầu của Hiến pháp ghi nhận, Nhân dân Việt Nam xây dựng, thi hành và bảo vệ Hiến pháp này vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Khoản 3 Điều 4 của Hiến pháp quy định: Các tổ chức của Đảng và đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Theo Khoản 1 Điều 8 của Hiến pháp, Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã

hội bằng Hiến pháp và pháp luật. Điều 9, Khoản 3 của Hiến pháp quy định: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Theo Điều 46 của Hiến pháp, công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật. Đoạn 2 Khoản 7 Điều 70 của Hiến pháp quy định: Sau khi được bầu, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phải tuyên thệ trung thành với Tổ quốc, Nhân dân và Hiến pháp. Theo Khoản 10 Điều 70 của Hiến pháp, Quốc hội có quyền hạn bãi bỏ văn bản của Chủ tịch nước, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội. Khoản 4 Điều 74 của Hiến pháp quy định: Ủy ban thường vụ Quốc hội có quyền hạn đình chỉ việc thi hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội và trình Quốc hội quyết định việc bãi bỏ văn bản đó tại kỳ họp gần nhất; bãi bỏ văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao trái với pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Đại biểu Quốc hội phổ biến và vận động Nhân dân thực hiện Hiến pháp và pháp luật (K.3 Đ.79 Hiến Pháp). Theo Khoản 1 Điều 96 của Hiến pháp, Chính phủ tổ chức thi hành Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, lệnh, quyết định của Chủ tịch nước. Theo Khoản 4 Điều 98, Thủ tướng Chính phủ có quyền đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ văn bản của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan

ngang bộ, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên; đình chỉ việc thi hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trái với Hiến pháp, luật và văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, đồng thời đề nghị Ủy ban thường vụ Quốc hội bãi bỏ.

Như vậy, Hiến pháp và pháp luật đã được sử dụng với tư cách là phương thức giới hạn quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó chính là phương thức pháp quyền.

5. Về hoàn thiện thể chế, phương thức giới hạn quyền lực nhà nước nhằm góp phần kiểm soát quyền lực nhà nước trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Xuất phát từ nhận thức lý luận về giới hạn quyền lực nhà nước, thực tiễn xác định giới hạn quyền lực nhà nước hiện nay, xu hướng phát triển quyền lực nhà nước, các yêu cầu của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng tôi cho rằng, việc hoàn thiện thể chế, phương thức giới hạn quyền lực nhà nước hiện nay ở nước ta cần được tiến hành theo các hướng sau đây:

- Giới hạn quyền lực nhà nước phải dựa vào và sử dụng hiệu quả phương thức pháp quyền; tiếp tục hoàn thiện các thể chế pháp luật, thiết chế, phương thức tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước nói chung, các loại quyền lực nhà nước nói riêng.

- Tiếp tục phân định rõ hơn sự lãnh đạo của Đảng, giới hạn quyền lực nhà nước, quyền làm chủ của Nhân dân để làm cơ sở cho việc xây dựng các cơ chế kiểm soát quyền lực tương ứng: kiểm soát quyền lực của

Đảng, kiểm soát quyền lực nhà nước, kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía Nhân dân.

- Phân định rõ hơn quyền lực nhân dân và quyền lực nhà nước theo hướng đề cao hơn các quyền dân chủ trực tiếp của Nhân dân, thể chế hoá đầy đủ và thực hiện hiệu quả cơ chế Nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước bằng dân chủ trực tiếp; mở rộng các hình thức thực hành dân chủ trực tiếp; hoàn thiện pháp luật về trưng cầu ý dân theo hướng quy định người dân có quyền đề nghị trưng cầu ý dân với Quốc hội, những vấn đề bắt buộc phải trưng cầu ý dân, những vấn đề không trưng cầu ý dân, mở rộng phạm vi trưng cầu ý dân do Quốc hội quyết định đối với những vấn đề quan trọng ở địa phương, tạo điều kiện để người dân tham gia giải quyết có hiệu quả những vấn đề quan trọng của đất nước và địa phương; có cơ chế bảo đảm thực hiện quyền kiến nghị của Nhân dân với các cơ quan nhà nước về việc xây dựng, sửa đổi chính sách, pháp luật hoặc giải quyết một vấn đề xã hội cụ thể.

- Tiếp tục thể chế hoá, cụ thể hoá kịp thời, đầy đủ, toàn diện quan điểm, chủ trương của Đảng về quyền con người, các quyền hiến định trong Hiến pháp và các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia để hình thành các giới hạn cụ thể về quyền con người đối với quyền lực nhà nước; đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thực hiện tốt nguyên tắc “công dân được làm tất cả những gì pháp luật không cấm”; lấy việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân làm tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước; đưa nguyên tắc dựa trên quyền con người thành yêu

cầu trong xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật; xây dựng và hoàn thiện các cơ chế giám sát, đôn đốc việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; thành lập Ủy ban quốc gia về quyền con người do luật định.

- Phân định, điều chỉnh lại một cách khoa học, hợp lý, đúng bản chất các thẩm quyền, các quyền giữa các cơ quan thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, thẩm quyền của Chủ tịch nước, giữa Trung ương và địa phương theo hướng bảo đảm tính liên tục, liên thông, không đứt gãy, không có khoảng trống, không chồng lấn, tính thống nhất của quyền lực nhà nước, tạo điều kiện cho việc hình thành trạng thái cân bằng, thăng bằng hài hoà, hợp lý quyền lực nhà nước về mặt hiện thực, bảo đảm sự tương tác lẫn nhau, sự không tách rời nhau, không biệt lập với nhau của các loại quyền lực nhà nước.

- Phân định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền; bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát bên trong mỗi cơ quan và giữa các cơ quan nhà nước, giữa Trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền địa phương và giữa các cơ quan trong cùng một cấp chính quyền địa phương. Đó chính là tạo ra các căn cứ đầy đủ, rõ ràng, minh bạch cho việc kiểm soát hiệu quả bên trong quyền lực nhà nước.

- Hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước theo hướng dựa vào sự phân định giới hạn quyền lực nhà nước để mọi quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ bằng cơ chế, quyền lực phải được ràng buộc bằng

trách nhiệm, quyền lực đến đâu trách nhiệm đến đó, quyền lực càng cao trách nhiệm càng lớn; lạm dụng, lợi dụng quyền lực phải bị truy cứu trách nhiệm và xử lý vi phạm; kiểm soát quyền lực gắn với xiết chặt kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động của Nhà nước và cán bộ, công chức, viên chức; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả các cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước của Đảng, của Nhà nước và của Nhân dân; hoàn thiện cơ chế để Nhân dân trực tiếp kiểm soát quyền lực nhà nước; bảo đảm quyền tiếp cận thông tin, khiếu nại, tố cáo và các quyền tự do của công dân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội trong giám sát, kiểm soát quyền lực nhà nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Võ Khánh Vinh (2020), *Tiếp tục đổi mới tư duy pháp lý phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
2. Võ Khánh Vinh, “Về tư duy chính trị - pháp lý của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới”, *Tạp chí Luật học*, số đặc biệt “25 năm Tạp chí luật học”, tháng 9/2019.
3. Võ Khánh Vinh, “Về xã hội pháp quyền Việt Nam”, *Tạp chí Nhà nước và pháp luật*, số 2/2020.
4. Võ Khánh Vinh, “Quyền lực và pháp luật”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 5/2018.
5. Võ Khánh Vinh, “Nguyên tắc pháp quyền: Những vấn đề lý luận”, *Tạp chí Pháp luật và Thực tiễn*, số 4/2017.
6. Võ Khánh Vinh, “Tư duy về xây dựng chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” (Phần 1), *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 8/2021.
7. Võ Khánh Vinh, “Tư duy về xây dựng chiến lược phát triển pháp luật Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045” (Phần 2), *Tạp chí Khoa học pháp lý Việt Nam*, số 9/2021.
8. Võ Khánh Vinh, “Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Phần 1), *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 5/2022.
9. Võ Khánh Vinh, “Pháp luật trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam” (Phần 2), *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 6/2022.
10. Võ Khánh Vinh, *Về quan niệm, bản chất, giá trị, đặc trưng của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Báo Nhân dân, 16/7/2022.
11. Nguyễn Đức Minh (Chủ biên 2019), *Thực hiện nguyên tắc pháp quyền ở một số quốc gia và gợi mở cho Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
12. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.
13. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
14. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập II, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
15. Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016), Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2016.